

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

I.1. Khái quát về dự án:

1. Tên công trình: Nâng cấp tuyến đường nối Quốc lộ 47 đến cầu Tổ Rồng, huyện Thường Xuân (Tư trụ sở UBND thị trấn Thường Xuân (cũ) đi cầu Tổ Rồng).

2. Chủ đầu tư: UBND xã Thường Xuân.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

4. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

5. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 55.000 triệu đồng; ngân sách huyện 5.000 triệu đồng.

6. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Quy mô:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Cấp IV (Theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng);
- Cấp kỹ thuật của đường: Đường chính khu vực (theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD và tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCVN 13592:2022).
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40\text{km/h}$;
- Loại kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa;
- Tải trọng trục thiết kế: 10T; mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} = 140\text{Mpa}$ (TCCS 37,38 : 2022/TCĐBVN);
- Tải trọng thiết kế công trình: HL93;
- Quy mô mặt cắt ngang: + Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt} = 2 \times 7,50 = 15,0\text{m}$; (trong đó 01 làn đã được đầu tư theo dự án Cầu Tổ Rồng)
- + Chiều rộng giải phân cách : $B_{gpc} = 1,50\text{m}$;
- + Chiều rộng vỉa hè: $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$;
- + Chiều rộng nền đường: $B_{nền} = 26,50\text{m}$.
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_{mặt} = 2\%$;
- Độ dốc ngang vỉa hè: $i_{vh} = 2\%$;
- Mái ta luy nền đào 1:1, ta luy nền đắp 1:1.5; 2

6.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.2.1. Bình đồ, hướng tuyến

Tim tuyến cơ bản được giữ nguyên như Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 13/03/2025 của UBND huyện

Thường Xuân về việc phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường nối Quốc lộ 47 đến cầu Tô Rồng, huyện Thường Xuân (Từ trụ sở UBND thị trấn Thường Xuân (cũ) đi cầu Tô Rồng). Cụ thể hướng tuyến theo các quy hoạch sau:

- Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

- Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;

- Các văn bản thỏa thuận với địa phương và cơ quan liên quan;
- Tuyến có tổng chiều dài tuyến khoảng $L=1.416,32\text{m}$, qua thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, toàn tuyến có 5 đỉnh chuyển hướng không đóng cong.

6.2.2. Cắt dọc thiết kế

- Trên nguyên tắc thiết kế nâng cấp mở rộng đường đảm bảo tận dụng tối đa phần đường đã được thi công ở giai đoạn 1 do đó cao độ thiết kế bám sát phần đường hiện trạng.

6.2.3. Mặt cắt ngang

Chiều rộng nền đường $B_n=26,5\text{m}$; Trong đó: Chiều rộng mặt đường tuyến chính $B_{mtc}=2 \times 7,5=15,0\text{m}$, chiều rộng dải phân cách giữa $B_{pcg}=1,5\text{m}$, chiều rộng vỉa hè $B_{hè}=2 \times 5,0=10,0\text{m}$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$.

6.2.4. Nền đường

Đào bóc hữu cơ dày trung bình 30cm sau đó đắp trả bằng đất đồi với độ chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy áo đường dày 30cm đạt $K \geq 0,98$.

6.2.5. Kết cấu áo đường

- Kết cấu I (KC1): Áp dụng đối với mặt đường chính, được thiết kế đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$, gồm các lớp từ trên xuống gồm: BTN C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m², lớp móng CPĐD loại I dày 15cm; Lớp móng CPĐD loại II dày 30cm; Đắp nền $K \geq 0,98$ dày 30cm.

- Kết cấu II (KC2); Áp dụng cho phạm vi từ mép bó vỉa giải phân cách giữa đến mép đường hiện trạng <50cm, gồm các lớp từ trên xuống gồm: BTXM M300 dày 22cm, nilong chống mất nước; lớp móng CPĐD loại I dày 15cm; Đắp nền $K \geq 0,98$ dày 30cm.

6.2.6. Nút giao, đường ngang.

- Trên tuyến có 01 nút giao đầu tuyến: Nút giao đầu tuyến Km0+000,00 giao với đường QL.47/Km70+800 là nút giao dạng ngã tư (theo quyết định 4078/QĐUBND ngày 14/10/2024 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa) điều tiết giao thông trên các nhánh bằng vạch sơn, và biển báo. Hướng tuyến QL.47 đi Cầu Tô Rồng thiết kế nút giao là nút giao chính phụ, ưu tiên trên QL.47, bán kính vượt

nổi từ mép nhựa với bán kính rẽ $R \geq 12m$. Nút giao thiết kế dạng giao bằng đơn giản dạng ngã ba điều tiết giao thông trên các nhánh bằng vạch sơn, đỉnh phản quang, đèn tín hiệu. Các làn tăng giảm tốc như sau:

+ Trên tuyến QL.47 đi Cầu Tở Rồng giữ nguyên mặt đường $B_m = 15m$.

+ Trên tuyến đường QL.47 mở rộng thêm 02 làn xe rộng 3,25m; Sử dụng vạch sơn kênh hóa dòng xe để bố trí làn chờ rẽ trái và làn rẽ phải. Các hướng trong nút giao cụ thể như sau:

- Hướng đi từ Cửa Đạt đi vào Tuyến thiết kế bên phải tuyến mở thêm 01 làn chờ rẽ trái $B = 3,25m$. Chiều dài làn chờ rẽ trái $L = 50m$, đoạn vượt nổi $L = 35m$ từ công chào thị trấn.

- Hướng từ tuyến thiết kế đi sân bay Thanh Hóa trên đường QL.47 thiết kế mở rộng thêm 01 làn tăng tốc $B = 3,25m$. Chiều dài làn tăng tốc $L = 50m$, đoạn vượt nổi $L = 35m$ vào công chào.

- Hướng đi từ Quốc Lộ 47 đi vào Tuyến thiết kế mở rộng thêm 01 làn giảm tốc $B = 3,25m$. Chiều dài làn giảm tốc $L = 50m$, đoạn vượt nổi $L = 35m$.

- Hướng từ tuyến thiết kế đi đường QL.47 thiết kế mở rộng thêm 01 làn $B = 3,25m$ để bố trí làn tăng tốc. Chiều dài làn tăng tốc $L = 50m$, đoạn vượt nổi $L = 35m$.

- Tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo, đèn giao thông, đỉnh phản quang theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024”. Kết cấu áo đường của nút giao phạm vi mở rộng đồng bộ với kết cấu của đường Quốc lộ 47.

- Thoát nước mặt đường phạm vi nút giao bằng hệ thống rãnh 2 bên quốc lộ 47 và tuyến thiết kế. Kết cấu như sau:

+ Rãnh kín chịu lực dọc đường: Rãnh được làm bằng BTCT M250 đúc sẵn, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B = 0,6m$, chiều sâu thay đổi tùy theo địa hình; thành và đáy rãnh dày 15cm, bên dưới là đá dăm đệm dày 5cm. Tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300 lắp ghép kích thước $(90 \times 100 \times (12-15))cm$; Các cửa thu, hồ thu được bố trí dọc theo chiều dài tuyến với cự ly trung bình 25-31m/hố.

+ Kết cấu mặt đường: Phần làm mới trong nút giao sử dụng kết cấu mặt đường như tuyến thiết kế, đối với phần mặt đường tăng cường sử dụng kết cấu bê tông nhựa tăng cường và bù vênh mặt đường cũ để đảm bảo vượt nổi êm thuận và đồng nhất với các kết cấu sẵn có trên tuyến.

+ Kết cấu mặt đường làm mới phạm vi nút giao như kết cấu của tuyến chính.

+ Trong phạm vi nút giao, phần hè đường được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đi lại của người đi bộ; bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Kết cấu mặt hè đường được thiết kế đồng nhất với tuyến thiết kế.

- Đường ngang: Thiết kế vượt nổi tại 12 vị trí đường ngang theo hiện trạng

bằng kết cấu BTXM M300 dày 22cm, lót nilong chống mất nước.

6.2.7. Thoát nước dọc tuyến

- Thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt sử dụng rãnh BTCT B=0,6m hai bên vỉa hè. Độ dốc dọc công lấy theo dốc dọc tuyến đường. Bố trí các ga thu thăm kết hợp dọc tuyến thoát nước, các ga có khoảng cách 25-31m. Tim rãnh dọc cách mép đường là 0,75m.

- Rãnh kín dọc đường: Rãnh được làm bằng BTCT M250 đúc sẵn, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh B = 0,6m, chiều sâu thay đổi tùy theo địa hình; thành và đáy rãnh dày 15cm, bên dưới là đá dăm đệm dày 5cm. Tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300 lắp ghép kết hợp bó vỉa, kích thước (90x100x(14-20))cm; Các cửa thu, hố thu được bố trí dọc theo chiều dài tuyến với cự ly trung bình 2531m/hố.

6.2.8. Thoát nước ngang Dự án có 07 công thoát nước ngang đường các loại, trong đó 06 công thiết kế nổi dài, 01 công B=1m còn tốt nên giữ nguyên. Chiều dài công mới thiết kế bằng chiều rộng nền đường với kết cấu cụ thể như sau:

- Kết cấu nổi công bản KĐ=1,0m: Móng, thân, tường cánh, sân công bằng bê tông M200 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM M200 mũ mố bằng BTCT M250; tấm bản bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300 dày 6cm.

- Kết cấu nổi công bản KĐ=2,4m: Thiết kế công dạng cầu bản mố nhẹ theo thiết kế điển hình cầu 531-11-01. Toàn bộ móng công, thanh chống, tường cánh, tường mố, gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM M200, dưới móng là đá dăm đệm dày 10cm. Mũ mố bằng BTCT M250, dầm bản bằng BTCT M300 lắp ghép, lớp phủ bản bằng BTXM M300 dày 8cm.

6.2.9. Vỉa hè, cây xanh

- Vỉa hè: Vỉa hè được thiết kế lát gạch TERRAZZO dày 5cm, dưới đệm VXM M75 dày 2cm; móng dưới bê tông M150 dày 10cm, phía dưới đất nền đầm chặt đạt $K \geq 0,95$.

- Khóa vỉa hè: Khóa vỉa hè bằng bê tông M150 kích thước 10x12cm, phía dưới lót bằng bê tông M75 dày 5cm.

- Đan rãnh: Được bố trí tại những đoạn làm rãnh, rãnh đan tam giác thu nước mặt trong đường thiết kế với chiều rộng 30cm, chiều sâu rãnh tam giác 5cm, rãnh đan bằng BTXM M200, kích thước (50x30x5)cm. Đan rãnh lắp ghép, được đặt trên lớp vữa xi măng M75 dày 2cm, trên lớp móng BTXM M200 dày trung bình 12cm.

- Bó vỉa: Được bố trí theo những đoạn có rãnh đan, đặt bó vỉa vát BTXM M200 kích thước (100x26x20.5)cm, ở tại các đường giao bó vỉa được chế tạo ngắn hơn kích thước (50x26x20.5)cm để phù hợp với bán kính đường cong vuốt nổi đường ngang, chiều cao từ đỉnh bó vỉa xuống đáy rãnh tam giác 12,5cm. Đáy viên

via khi lắp đặt đệm vữa xi măng M75 dày 2cm trên lớp bê tông M100 dày 10cm.

- Hồ trồng cây trên vỉa hè: Chiều rộng hồ trồng cây kích thước 120x120cm, hồ trồng cây được bố trí 10m/hồ. Thành hồ bằng BTXM M200, đặt trên đệm vữa xi măng M75 dày 2cm trên lớp bê tông M100 dày 5cm.

6.2.10. Hệ thống chiếu sáng

- Xây dựng mới ĐZ-35kV đi ngầm sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 3x95mm² (35kV) có tổng chiều dài cáp 37m để cấp điện cho TBA xây dựng mới.

- Xây dựng 01 trạm biến áp phụ tải kiểu “Trạm khối - trạm trụ kín hợp bộ” với loại máy có công suất là 31,5kVA-35(22)/0,4kV, đảm bảo độ tin cậy cấp điện và thẩm mỹ, phù hợp với kiến trúc cảnh quan.

- Trạm biến áp được đặt tại khu vực trên hè đường bên phải tuyến đường tại Km0+658m, với phạm vi diện tích thi công xây dựng trạm là: $S=(7,0 \times 2,0)m=14,0m$, Nguồn điện cấp cho trạm biến áp được đấu nối tại cột hiện trạng nằm bên trái tuyến tại Km0+663, cột số ... thuộc đường dây 35kV.

- Xây dựng 46 cột đèn chiếu sáng được bố trí ở dải phân cách giữa và hè đường (trong đó phân cách giữa bố trí 37 cột +09 cột trên phần hè đường), sử dụng cột tròn côn có chiều cao 11m rời cần trong đó thân cột dùng loại cần loại 9m + bộ cần kép hoặc cần đèn đơn cao 2m vươn 1,5m. Đèn chiếu sáng cho đường sử dụng bóng tiết kiệm điện bằng led có công suất 150W ánh sáng vàng (hoặc trắng), với khoảng trung bình giữa các cột 35m/cột.

- Xây dựng 01 tủ điện điều khiển chiếu sáng 100A có kích thước (1200x600x350)mm.

- Cấp nguồn từ nguồn hạ thế 0,4kV đến tủ điện điều khiển chiếu sáng: Sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV – 3x16+1x10mm².

- Cấp nguồn từ tủ điện điều khiển chiếu sáng đến các đèn chiếu sáng sử dụng cáp ngầm: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV – 3x16+1x10mm².

- Cáp được chôn sâu $h = 0,6$ đến 1,3m. Rãnh cáp được đào theo bản vẽ thiết kế, cáp được đặt dưới rãnh và lấp cát nền, đất san nền, đất lấp được đầm chặt ($k=0,95$), lưới báo hiệu cáp ngầm.

- Tất cả các sợi dây cáp cấp nguồn cho tủ điện điều khiển, các cột đèn đều được luồn trong ống nhựa gân xoắn D65/50 và được chôn ngầm trong rãnh cáp bằng đất. Đối với đoạn qua đường nhựa cáp cấp nguồn được luồn qua ống thép D141,3mm dày 4.78mm.

- Dây lên đèn các loại đèn sử dụng dây Cu/PVC 3x1,5mm². Móng cột điện và tủ điều khiển chiếu sáng:

- Kích thước móng trụ với cột 11m trồng trên lề đường và hè đường là (1000x1000x1200)mm (RxDxC) đặt sẵn khung thép có 4 bu lông M24x300x300x675 để bắt vào bích cột. Móng cột đèn bằng bê tông M200 đá 1x2

đặt trực tiếp trên nền thiên nhiên.

- Kết cấu móng tủ điều khiển: Kích thước 650x400x1200, bê tông móng đá 1x2 M200, đặt sẵn khung thép có 4 bu lông M16x440x240x500 để bắt vào tủ điện. An toàn hệ thống chiếu sáng:

- Bảo vệ chống ngắt mạch và quá tải: Các cáp trực được bảo vệ chống quá tải và ngắn mạch 2 cấp bằng aptomat tại tủ điện chiếu sáng cấp điện.

- Đối với móng cột đèn 11m trên hè đường và lề đất: Bảo vệ chống điện giật: Tất cả các chi tiết kim loại không mang điện được nối đất an toàn với điện trở nối đất không lớn hơn 10, bằng cách mỗi cột nối với 01 cọc tiếp địa bằng thép L63x63x6x2500 và dây đồng trần M10 nối liên hoàn.

- Tiếp đất lặp lại: Dây trung tính của cáp trực được tiếp đất lặp lại bằng cách dẫn ra vít nối tiếp địa của cột & nối với hệ thống tiếp địa liên hoàn và cuối tuyến được nối đất với hệ thống tiếp địa 04 cọc thép L63x63x6x2500.

6.2.11. Thiết kế an toàn giao thông Hệ thống ATGT được thiết kế đảm bảo theo yêu cầu quy định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT, phù hợp với các quy định hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Bộ GTVT.

1.2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng thiết kế được duyệt đảm bảo chất lượng, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và các quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện.

1.1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:

- Công trình xây dựng phải được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng;

+ Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng;

+ Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

- Nhà thầu giám sát thi công xây dựng được lựa chọn phải có đề xuất về giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao

động, bảo vệ môi trường, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết khác.

1.2. Chủ đầu tư: UBND xã Thường Xuân.

1.3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 55.000 triệu đồng, ngân sách huyện 5.000 triệu.

1.4. Thời gian thực hiện gói thầu: 450 ngày.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải thực hiện nhiệm vụ Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và theo các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Cụ thể như sau:

2.1. Bố trí nhân sự phù hợp về số lượng, trình độ chuyên môn theo văn bằng chứng chỉ của đội ngũ cán bộ tư vấn so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng. Mọi thay đổi nhân sự theo quy định của hợp đồng nhà thầu đều phải báo cáo để chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.

2.2. Lập đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình. Nội dung đề cương giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát thi công; văn phòng giám sát tại hiện trường; nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung công việc thực hiện của mỗi chức danh giám sát; hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch, quy trình kiểm soát chất lượng; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, phương pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ; nội dung cần thiết khác liên quan đến giám sát xây dựng công trình.

Nội dung đề cương chi tiết phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ hợp đồng và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

2.3. Bố trí các văn phòng giám sát tại hiện trường đảm bảo có đủ diện tích làm việc, đủ thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác giám sát thi công xây dựng; trang bị đồng phục và đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn lao động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ (ghi rõ tên nhà thầu tư vấn giám sát, người giám sát thi công xây dựng). Lập hồ sơ theo dõi công tác giám sát thi công hàng ngày cho từng văn phòng và vị trí giám sát để làm cơ sở theo dõi, đánh giá thực hiện và đối chiếu với nhật ký thi công khi cần thiết.

2.4. Thực hiện chức năng giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn cho Chủ đầu tư trong quản lý, theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, giá thành xây dựng, an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng thi công xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và các điều kiện kỹ thuật liên quan của công trình.

2.5. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công,

phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

2.6. Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt.

2.7. Nghiệm thu các công việc do Nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo quy định và yêu cầu của hợp đồng xây dựng. Kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành.

2.8. Thực hiện các nội dung công việc liên quan khi có yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước trong quá trình thực hiện dự án và khi quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

2.9. Chủ trì và phối hợp với nhà thầu thi công để thống nhất (về quy cách, nội dung) và lập các loại biên bản nghiệm thu, phiếu đề xuất lệnh thay đổi (điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán...), các loại văn bản khác liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng thi công, trình chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi thi công để áp dụng thống nhất.

2.10. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng.

2.11. Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công.

2.12. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

2.13. Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

2.14. Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình.

2.15. Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

2.16. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình.

2.17. Xem xét, có ý kiến và báo cáo Chủ đầu tư chấp thuận các nội dung do nhà thầu trình quy định tại Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng.

2.18. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình.

2.19. Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình.

2.20. Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động.

2.21. Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế.

2.22. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ.

2.23. Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công.

2.24. Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ.

2.25. Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành.

2.26. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi ký hợp đồng tư vấn.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Sau 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu tư vấn giám sát phải đệ trình được phương án và kế hoạch thực hiện, đề cương giám sát để Chủ đầu tư phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

- Báo cáo thực hiện công việc hàng tuần, hàng tháng, quý và đột xuất khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Nội dung báo cáo gồm: Báo cáo về chất lượng, khối lượng, tiến độ, vệ sinh an toàn an toàn trên công trường, nội dung công việc thực hiện trong thời gian tiếp theo. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục, hoặc tối ưu hóa các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công và đảm bảo chất lượng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm và nhân sự tối thiểu theo các yêu cầu đã nêu ở các mục trên trong Hồ sơ mời thầu.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp những tài liệu liên quan đến dự án để tư vấn thực hiện, tạo các điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu tư vấn thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

- Nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu theo quy định.

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng.

- Bên mời thầu sẽ cử cán bộ quản lý dự án phối hợp với nhà thầu tư vấn để thực hiện nhiệm vụ của mình.